

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2014

Môn thi:

PHÒNG THI SỐ 01

TT	SBD	Số phách	Họ đệm	Tên	Năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Số tờ	Ký nộp bài	Điểm		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	001		Bùi Thị Thùy	Anh	1992	GV Môn Tư pháp quốc tế					
2	002		Lã Thị Vân	Anh	1991	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
3	003		Ngô Thị Vân	Anh	1991	GV Môn Luật Tổ tụng hình sự					
4	004		Nguyễn Hải	Anh	1986	GV Môn Ngoại ngữ					
5	005		Nguyễn Mai	Anh	1992	GV Môn Luật Tài chính - Ngân hàng					
6	006		Nguyễn Thị Huyền	Anh	1992	GV Môn PL GQ tranh chấp TMQT					
7	007		Nguyễn Trâm	Anh	1992	GV Môn Xây dựng VBPL					
8	008		Phan Thị Lan	Anh	1990	GV Môn PL TM hàng hóa và DV QT					
9	009		Phùng Ngọc	Anh	1990	GV Môn Quan hệ kinh tế quốc tế					
10	010		Trần Phương	Anh	1992	GV Môn PL GQ tranh chấp TMQT					
11	011		Vy Tuấn	Anh	1992	GV Môn Quan hệ kinh tế quốc tế					
12	012		Ngô Thị Ngọc	Ánh	1989	GV Môn Quan hệ kinh tế quốc tế					
13	013		Nguyễn Thị Tuyết	Anh	1992	GV Môn PL TM hàng hóa và DV QT					
14	014		Nguyễn Thị Kim	Chi	1991	GV Môn PL TM hàng hóa và DV QT					
15	015		Phạm Thị Hà	Chuyên	1992	GV Môn Đường lối CM của ĐCSVN					
16	016		Nguyễn Thị	Định	1989	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
17	017		Phạm Thị Hải	Dịu	1987	GV Môn Xây dựng VBPL					
18	018		Nguyễn Thùy	Dung	1988	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					

19	019		Lục Việt	Dũng	1990	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
20	020		Lê Thùy	Dương	1985	GV Môn Ngoại ngữ					
21	021		Phan Thanh	Dương	1991	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
22	022		Phạm Thị Mai	Duyên	1990	GV Môn Ngoại ngữ					
23	023		Nguyễn Thị Hương	Giang	1987	GV Môn Luật Tài chính - Ngân hàng					
24	024		Trần Thị Hương	Giang	1991	GV Môn Pháp luật Châu Á - TBD					
25	025		Vũ Hoài	Giang	1992	GV Môn Lý luận NN và PL					
26	026		Phạm Thị Hải	Hà	1988	GV Môn Ngoại ngữ					
27	027		Trần Thị Thu	Hà	1988	GV Môn Xây dựng VBPL					
28	028		Nguyễn Minh	Hải	1991	GV Môn Luật lao động					
29	029		Lê Thị Thái	Hằng	1992	GV Môn Ngoại ngữ					
30	030		Tạ Thị Thanh	Hằng	1992	GV Môn Luật Tổ tụng dân sự					
31	031		Trịnh Thu	Hằng	1989	GV Môn Ngoại ngữ					
32	032		Vũ Thị	Hạnh	1992	GV Môn Đường lối CM của ĐCSVN					
33	033		Phạm Văn	Hiền	1991	GV Môn Luật Tổ tụng hình sự					
34	034		Nguyễn Thị Thu	Hiền	1992	GV Môn Ngoại ngữ					

Số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự thi:.....
Số thí sinh vắng:.....
Cán bộ coi thi thứ nhất

Bảng điểm gồm:
Số điểm ≥ 5 :
Số điểm < 5 :

Cán bộ coi thi thứ hai

Người lên điểm

Người kiểm tra điểm

Trưởng ban chấm thi